

Bản án số: 40/2018/PT-HC

Ngày: 20-3-2018

V/v: "Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh;

Ông Trương Minh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 247/2017/TLPT ngày 20 tháng 9 năm 2017 về việc “*Yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 07-9-2017 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16A/2018/QĐ-PT ngày 26/02/2018 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Thông M - Sinh năm 1955; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc X - Sinh năm 1957; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thông M; địa chỉ: xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc X (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 8 năm 2016); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phan Tấn H, Luật sư Văn phòng luật sư Phan Tấn H, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện D; địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Hữu H; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Văn bản ủy quyền số 2708/UBND ngày 17/8/2016). Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Tạ Văn T;

2. Bà Lê Thị X;

Cùng địa chỉ: Xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã S;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Đình C - Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã S. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 28/7/2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 475844, Sổ vào sổ cấp GCN: CH04000 ngày 12/7/2012 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện D cấp cho ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X đối với thửa đất số 163 tờ bản đồ số 30 tại địa chỉ xã S, huyện D và trình bày:

Năm 1980, gia đình ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X (sau đây gọi là ông M, bà X) được Trạm máy kéo, HTX S 1 và UBND xã S cấp cho 01 lô đất diện tích khoảng 1.000m² nhưng không đo đạc cụ thể. Theo sơ đồ bản vẽ đất đai xã S ngày 04/3/1991 của Ban Ruộng đất tỉnh và Trung tâm Công nghệ thông tin của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa đo vẽ, xác lập thì lô đất thuộc thửa đất số 1423-1424 tờ bản đồ số 4D, có diện tích là 2.380m².

Ngày 08 tháng 9 năm 1985, cán bộ UBND xã S có đến nhà ông M trao đổi với gia đình ông M về chủ trương mở đường vào nghĩa trang đi ngang qua đất của gia đình ông M nên Ủy ban sẽ hoán đổi đất ở vị trí khác cho ông M nhưng không thực hiện.

Năm 1991, ông M làm thủ tục đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được giải quyết.

Năm 1992, ông M, bà X đã chuyển nhượng cho ông Trần B phần đất có diện tích 575m² thuộc thửa số 1423; Diện tích còn lại (1805m²) thuộc thửa 1424 gia đình ông M tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngày 06/01/1993, UBND xã S đã xác nhận đơn xin phép xây dựng nhà ở cho ông M với nội dung: *“Diện tích xin xây dựng nhà ở nằm trong lô đất số 1424 tờ bản đồ số 4d, diện tích 1805m², loại đất vườn quả của ông M xin cất nhà là đúng. Kính chuyển UBND huyện xét giải quyết”*.

Do có khiếu nại của ông M về việc mở đường vào nghĩa trang, ngày 23/6/1997, UBND huyện D có quyết định số 145/QĐ-UB với nội dung: Công nhận cho ông M được sử dụng diện tích đất 1.008m² và Giao cho UBND xã S trực tiếp quản lý phần diện tích dôi ra để đưa vào sử dụng theo quy hoạch (kèm theo Biên bản xác định vị trí diện tích đất của UBND xã S). Tháng 7/1997, ông M nhận được quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện D và đã có đơn khiếu nại quyết định này từ năm 1998 đến nay nhưng vẫn chưa được giải quyết. Việc không xem xét, giải quyết khiếu nại này của ông M là vi phạm Luật khiếu nại, tố cáo và dẫn đến việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng pháp luật.

Ngày 15/12/2015, khi thực hiện quyết định của UBND huyện D về việc thu hồi đất, ông M được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện D hướng dẫn đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ông mới biết UBND huyện D đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 475844, sổ vào sổ cấp GCN: CH04000 ngày 12/7/2012 cho vợ chồng ông với diện tích đất được công nhận là 1.000,5m².

Diện tích đất thực tế gia đình ông M, bà X sử dụng là 1.805m² (bao gồm phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận nói trên, đất UBND huyện D bán đấu giá và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Tạ Văn T và bà Lê Thị X và phần đất đã làm đường đi vào nghĩa trang) nhưng UBND huyện D chỉ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.000,5m² cho ông M, bà X là không đúng với diện tích đất ông M, bà X đã và đang sử dụng, không phù hợp với diện tích đất được công nhận tại Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện D, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, bà X. Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có chữ ký của ông M.

Tại các văn bản gửi Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày:

Năm 1980, ông Nguyễn Thông M có đơn gửi UBND huyện D, UBND xã S và Ban quản trị Hợp Tác xã S 1 với nội dung đề nghị cấp cho gia đình ông một lô đất có diện tích khoảng 1.000 m² để gia đình ông sử dụng.

Ngày 08/9/1985, UBND xã S phối hợp với Ban quản lý ruộng đất Hợp tác xã S 1 tiến hành lập biên bản xác định vị trí, diện tích đất của ông Nguyễn Thông M. Theo biên bản này, lô đất có diện tích 1.008 m², hướng Đông giáp đường ray xe lửa, hướng Tây giáp Quốc lộ 1, hướng Nam giáp đường vào nghĩa trang liệt sĩ và hướng Bắc giáp đất của UBND xã quản lý.

Theo Bản đồ đo đạc năm 1991 thì khu đất cấp cho ông Nguyễn Thông M nằm trong thửa 1424, tờ bản đồ số 4d, diện tích 1805 m² và thửa 1423, diện tích 575 m². Tổng diện tích của hai thửa là 2.380 m².

Ngày 17/12/1992, ông Nguyễn Thông M cùng vợ là Nguyễn Thị Ngọc X làm giấy bán nhà và kèm theo phần đất có diện tích 379 m² cho vợ chồng ông Trần B - Phan Thị T. Trong hợp đồng thể hiện đất có nguồn gốc do UBND xã cấp năm 1980. Trong giấy bán nhà đất không thể hiện phần đất mua bán cho ông B - bà T thuộc thửa đất nào nhưng đối chiếu với bản đồ năm 1991 thì phần đất này thuộc thửa 1423 tờ bản đồ số 4d.

Ngày 30/12/1992, ông Nguyễn Thông M có đơn xin xây dựng nhà ở với diện tích nhà là 46,86 m² trên diện tích đất là 767,85 m² (kèm theo bản vẽ xin xây dựng nhà). Đơn được UBND xã S, phòng Công nghiệp và UBND huyện xác nhận. Theo đó, ông Nguyễn Thông M xin xây dựng nhà trên thửa đất số 1424, diện tích 1.805 m², tờ bản đồ số 4d, đo đạc năm 1991.

Năm 1996, thực hiện đo đạc lại bản đồ để cấp đất theo Nghị định 64/CP, khu đất này chia làm 4 phần, thuộc tờ bản đồ số 7, cụ thể:

- + Phần thứ nhất là thửa 573 có diện tích 790 m² (LK: 95 m²);
- + Phần thứ hai là thửa 584 có diện tích 680 m² (LK: 370 m²);
- + Phần thứ ba là đường vào Nghĩa trang liệt sỹ;
- + Phần thứ tư là thửa 585 có diện tích 420 m² (LK: 152 m²).

Năm 1997, gia đình ông Nguyễn Thông M có đơn đề nghị hợp thức hóa phần diện tích 1.008 m² theo biên bản xác định ranh giới ngày 08/9/1985. Qua kiểm tra hồ sơ, xét thấy theo biên bản xác định ranh giới và diện tích ngày 08/9/1985 của UBND xã S đã xác định rõ diện tích giao gia đình ông Nguyễn Thông M sử dụng là 1.008 m² nhưng thực tế ông M đang sử dụng 2 lô với tổng diện tích là 1.775 m². Do đó, UBND huyện D đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 với nội dung công nhận quyền sử dụng đất 1.008 m² tọa lạc tại thôn Cư Thạnh - xã S cho gia đình ông Nguyễn Thông M (trên phần đất này đã có nhà ở). Giao UBND xã S quản lý phần diện tích dôi dư (sau khi đã trừ 1.008 m² đất ông M) để đưa vào sử dụng theo quy hoạch. Tuy nhiên, trong Quyết định này không thể hiện vị trí và kích thước của khu đất.

Ngày 20/11/2005, ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X có đơn xin xác định ranh giới theo biên bản xác định vị trí đất ngày 08/9/1985 và Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997. Qua kiểm tra đã xác định ranh giới đất gồm hai thửa là thửa 584 (phần đã bán cho ông B - bà T) có diện tích 680 m² (LK: 370 m²) và thửa 573 có diện tích 790 m² (LK: 95 m²). Tổng diện tích hai thửa đất là 1.470 m², sau khi trừ diện tích lưu không còn lại 1.000,5m². Diện tích này phù hợp với Quyết định 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện. Còn phần đất giao cho UBND xã S quản lý là thửa 585, diện tích 420 m² (LK: 152 m²). Theo bản đồ đo đạc năm 2009 (dự án Vlap) thì thửa đất gia đình ông M sử dụng là thửa 163, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.000,5 m² (DGT: 211 m²); thửa đất ông B - bà T là thửa 161, tờ bản đồ số 30, diện tích 487,8 m² (DGT: 213,7

m²) và phần đất UBND xã S quản lý là thửa 48, tờ bản đồ số 35, diện tích 439,2 m² (DGT: 208,4 m²).

Ngày 24/6/2008, gia đình ông M lại có đơn với nội dung không đồng ý với Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện và yêu cầu cấp quyền sử dụng đất theo biên bản ngày 8/9/1985 và thửa 585 do UBND xã quản lý. Vụ việc kéo dài cho đến năm 2011, UBND huyện D ban hành văn bản số 2505/UBND ngày 04/11/2011 trả lời gia đình ông Nguyễn Thông M với nội dung công nhận thửa đất số 163, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.000,5 m² (DGT: 211 m²) cho gia đình ông M. Việc gia đình ông M đề nghị xem xét lại Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện là không có cơ sở vì đã hết thời hiệu khiếu nại.

Ngày 12/7/2012, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04000 cho vợ chồng ông M đối với thửa đất số 163, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.000,5 m² (DGT: 211 m²). Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 475844, sổ vào sổ cấp GCN: CH04000 ngày 12/7/2012 cho ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X của UBND huyện D là đúng pháp luật.

Đối với thửa đất số 48 tờ bản đồ số 35 - xã S đã được UBND huyện D tổ chức bán đấu giá. Ông Tạ Văn T là người trúng đấu giá thửa đất đã nộp toàn bộ số tiền trúng đấu giá là 716.000.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước theo quy định và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch UBND xã S trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Thông M đúng như đại diện UBND huyện D đã trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 07-9-2017 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:

Căn cứ Điều 50 và Điều 52 Luật đất đai năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010), điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 475844, sổ vào sổ cấp GCN: CH04000 ngày 12/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Đến ngày 18-9-2017, người khởi kiện ông Nguyễn Thông M có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, trình bày cho rằng Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án phiếm diện, không khách quan, không đúng qui định của pháp luật; không áp dụng Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 và Luật đất đai năm 2003 để giải quyết vụ án. Cụ thể là: Ông M có

Đơn khiếu nại về việc sử dụng đất của mình từ năm 1991 cho đến năm 1997 nhưng không được cấp nào giải quyết là vi phạm pháp luật. Ông M sử dụng đất này liên tục nhưng UBND huyện D lại lấy đất của ông bán đấu giá cho ông Tiến. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy kết quả bán đấu giá đất của vợ chồng ông Tiến và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 475844, sổ vào sổ cấp GCN: CH04000 ngày 12/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện D.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thông M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Luật sư và ông Nguyễn Thông M cho rằng có làm Đơn khiếu nại Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện D nhưng không xuất trình được chứng cứ khiếu nại còn trong thời hạn luật định; do vậy, Quyết định này vẫn còn hiệu lực. Trên cơ sở Đơn xin cấp đất của vợ chồng ông M với diện tích là 1.000m² và hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X, UBND huyện D đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X với diện tích là 1.000,5m² là phù hợp với quá trình quản lý và sử dụng đất. Yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thông M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thông M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Căn cứ Đơn xin đất cất nhà ngày 15/10/1980 của ông Nguyễn Thông M với diện tích là 1.000m² (có xác nhận của UBND xã S ngày 24/11/1980), đã được UBND huyện D đồng ý. Đến ngày 08/9/1985, UBND xã S phối hợp với Ban quản lý ruộng đất Hợp tác xã S 1 tiến hành lập Biên bản xác định vị trí, diện tích đất của ông Nguyễn Thông M. Theo biên bản này, lô đất có diện tích 1.008 m², hướng Đông giáp đường ray xe lửa, hướng Tây giáp Quốc lộ 1, hướng Nam giáp đường vào nghĩa trang liệt sĩ và hướng Bắc giáp đất của UBND xã quản lý.

[2]. Quá trình sử dụng đất:

Thực tế sử dụng đất của ông Nguyễn Thông M theo Bản đồ đo đạc năm 1991 thì khu đất được cấp nằm trong thửa 1424, tờ bản đồ số 4d, diện tích 1.805 m² và thửa 1423, diện tích 575 m². Tổng diện tích của hai thửa là 2.380 m²; tăng thêm 1.380 m².

Đến ngày 17-12-1992 vợ chồng ông Nguyễn Thông M chuyển nhượng đất cho ông Trần B và bà Phan Thị T với diện tích là 379 m², thuộc thửa 1423 tờ bản đồ 4d.

[3]. Tại Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997, UBND huyện D chỉ *“công nhận quyền sử dụng đối với 1.008m² tọa lạc tại thôn Cư Thạnh, xã S cho gia đình ông Nguyễn Thông M”*. Đồng thời, tại Điều 2 của Quyết định có nội dung: *“Giao cho UBND xã S trực tiếp quản lý phần diện tích dôi dư ra (sau khi trừ 1.008m² đất cho ông M) để đưa vào sử dụng theo quy hoạch”*.

[4]. Do không đồng ý với Quyết định số 145/QĐ-UB, ông M đã có Đơn khiếu nại đề ngày 23/9/1997 đề nghị huỷ Quyết định nói trên. Tuy nhiên, tính đến thời điểm ông M gửi Đơn khiếu nại thì đã hết thời hiệu khiếu nại. Cụ thể, ông M nhận được Quyết định số 145/QĐ-UB vào ngày 22/9/1997. Theo Phiếu biên nhận do ông M giao nộp thì Đơn khiếu nại của ông M gửi cho UBND huyện D vào ngày 20/4/1998 và ngày 18/4/2000. Như vậy, tính đến thời điểm ông M gửi đơn khiếu nại cho UBND huyện D (ngày 20/4/1998) thì thời hiệu khiếu nại đối với Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện D đã hết (theo quy định của Điều 19 Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo của công dân năm 1991) nên khiếu nại của ông M không được giải quyết là phù hợp với quy định của Điều 20 Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo của công dân năm 1991.

[5]. Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, vị trí, hình thể các thửa đất thể hiện trên các tờ bản đồ địa chính thì các thửa đất số 1423, 1424 tờ bản đồ 4d năm 1991 được chia thành 04 phần (theo bản đồ địa chính năm 1997) gồm: 03 thửa đất số 573, 584 và 585 tờ bản đồ số 7 và phần đất thuộc đường vào Nghĩa trang liệt sĩ xã S. Các thửa đất số 573, 584 tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 1997) là các thửa đất số 163, 161 tờ bản đồ số 30 (bản đồ Vlap năm 2009); thửa số 585 tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 1997) là thửa số 48 tờ bản đồ số 35 (bản đồ Vlap năm 2009).

Theo lời trình bày của đại diện UBND huyện D thì thửa đất 585 tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính năm 1997 là thửa số 48 tờ bản đồ số 35 bản đồ địa chính xã S chính là phần đất được giao cho UBND xã S quản lý theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện D. Phần đất thuộc thửa 573, 584 tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính năm 1997 là phần đất do ông M, bà X sử dụng (bao gồm cả phần đã chuyển nhượng cho ông B, bà T). Hiện ông B - bà T là người sử dụng thửa số 161 tờ bản đồ số 30 bản đồ Vlap 2009; ông M - bà X là người sử dụng thửa số 163 tờ bản đồ số 30 bản đồ Vlap 2009.

Diện tích đất ông M, bà X được công nhận quyền sử dụng tại Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện D là 1.008m² so với diện tích đất thuộc thửa số 163 tờ bản đồ số 30 bản đồ Vlap 2009 là 1.000,5m² là có sự chênh lệch nhưng sự chênh lệch này là không lớn. Vì vậy, lời trình bày của đại

diện UBND huyện D về việc thửa số 163 tờ bản đồ số 30 bản đồ Vlap 2009 là phần đất ông M, bà X được công nhận quyền sử dụng tại Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện D và phần đất giao cho UBND xã S quản lý theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 23/6/1997 của UBND huyện D là thửa số 48 tờ bản đồ số 35 Bản đồ Vlap năm 2009 là có căn cứ. Việc ông M cho rằng, gia đình ông sử dụng liên tục toàn bộ diện tích 1.805m² thuộc thửa đất 1424 tờ bản đồ 4d năm 1991 (trong đó có thửa đất 48 tờ bản đồ số 35 bản đồ Vlap năm 2009 - thửa đất đã được UBND huyện D bán đấu giá cho ông Tiến, bà Xuân) là không có cơ sở.

Như vậy, việc UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 475844, số vào sổ cấp GCN: CH04000 ngày 12/7/2012 cho ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X đối với diện tích đất 1.000,5m² thuộc thửa số 163 tờ bản đồ số 30 xã S là phù hợp với nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị Ngọc X và đúng với các quy định của Điều 50, 52 Luật Đất đai năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010), Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thông M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, ông Nguyễn Thông M kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới; do đó, không có căn cứ để chấp nhận; cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thông M, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:*

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Thông M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 50 và Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 07-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 475844, số vào sổ cấp GCN: CH04000 ngày 12/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000039 ngày 03/8/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thông M và bà Nguyễn Thị Ngọc X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000311 ngày 22/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ, Phòng HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông